

Bản án số: 186/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2025.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Vũ Minh Long

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc: *Tranh chấp ly hôn*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tòa nhà K, phố T, phường T, quận D, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị Dương Phương M, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh H. Vắng mặt: Chị M lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đăng H trình bày:

*** Về tình cảm:** Tôi và chị Dương Phương M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào 14/01/1997 tại UBND thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật. Đây là kết hôn lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống với nhau tại Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đến năm 2015 thì chuyển về Tòa nhà K, phố T, phường T, quận D, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình cũng như bản thân vợ chồng đã cố gắng hòa giải, khắc phục nhưng không đạt được kết quả gì. Đến tháng 9/2015, vợ chồng tôi mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đã chuyển về Tòa nhà K, phố T, phường T, quận D, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay. Còn cô M và 02 con chung vẫn sinh sống tại Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ tôi. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại tôi và cô M không còn chung sống với nhau và không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm.

Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với cô Dương Phương M và xác định không thể về đoàn tụ chung sống với nhau hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Dương Phương M để sớm ổn định cuộc sống của mỗi bên.

** Về con chung:* Tôi và cô M có 02 con chung là Nguyễn Phương Diệu L, sinh ngày 15/11/2003 và Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 16/11/1997. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai là quyền của các cháu nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:* Tôi và cô M không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Dương Phương M nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Đăng H vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn đối với chị Dương Phương M; Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Phương Diệu L, sinh ngày 15/11/2003 và Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 16/11/1997. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai là quyền của các cháu nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Phương M vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện G, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 19, 56, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đăng H vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Cho anh Nguyễn Đăng H được ly hôn chị Dương Phương M.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Căn cứ vào lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú thể hiện: Chị Dương Phương M có đăng ký nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[2] **Về thủ tục:** Chị Dương Phương M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, chị M đã cố tình gây khó khăn cho anh H trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án. Tòa án đã phải hoãn phiên tòa ngày 25/4/2025, đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Đăng H và chị Dương Phương M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/1997 tại UBND thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đến năm 2015 thì anh H chuyển về Tòa nhà K, phố T, phường T, quận D, thành phố Hà Nội sinh sống cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình cũng như bản thân vợ chồng đã cố gắng hòa giải, khắc phục nhưng không đạt được kết quả gì. Đến tháng 9/2015, vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng nên anh H đã chuyển đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo, anh H và chị M cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chị M không chấp hành pháp luật khi nhận được các văn bản tố tụng, triệu tập không đến làm việc, không thể hiện ý chí của mình về nội dung vụ án, gây khó khăn cho anh H khi làm thủ tục ly hôn.

* Xác minh ý kiến tại địa phương xã Y, huyện G, Hà Nội được địa phương cung cấp thông tin: Anh H và chị M là công dân thuộc tổ dân phố quản lý. Về mâu thuẫn tình cảm giữa anh H và chị M không nắm rõ vì không thể hiện ra bên ngoài. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh H và chị M không báo chính quyền địa phương để hòa giải. Hiện nay, anh H và chị M không còn chung sống với nhau. Anh H đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Chị M cùng 2 con gái đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị L2 là mẹ đẻ của anh H tại số đường D, Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, Hà Nội. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tòa án đã tiến hành xác minh ý kiến bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1948 là mẹ đẻ anh Nguyễn Đăng H cung cấp: Anh H và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997. Sau khi kết hôn, chị M và anh H chuyển về sinh sống cùng với tôi tại đường D, Tổ dân phố D, xã Y, huyện G, Hà Nội. Trong cuộc sống vợ chồng, tôi thấy anh H và chị M hay xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2015, do mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra trầm trọng nên anh H chuyển đi nơi khác để sinh sống còn chị M cùng các con chung sinh sống cùng tôi từ đó cho đến nay. Thỉnh thoảng anh H về thăm tôi rồi lại đi luôn. Nay anh H nộp đơn ly hôn chị M thì quan điểm của tôi đồng ý để anh H ly hôn với chị M vì hai anh chị

đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị M. Về con chung của anh H và chị M: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L1, sinh năm 1997 và Nguyễn Phương Diệu L, sinh năm 2003. Hai cháu đang sống với tôi. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị M đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin được ly hôn của anh H là chính đáng, phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[4] **Về con chung:** Anh H và chị M có 02 con chung là Nguyễn Khánh L1, sinh năm 1997 và Nguyễn Phương Diệu L, sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

[5] **Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] **Về án phí:** Anh Nguyễn Đăng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp của pháp luật.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đăng H. Cho anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1970 được ly hôn với chị Dương Phương M, sinh năm 1975.

[2]. *Về con chung*: Anh H và chị M có 02 con chung là Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 16/11/1997 và Nguyễn Phương Diệu L, sinh ngày 15/11/2003. Các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét.

[3]. *Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đăng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Đăng H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0065793 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Xác nhận anh Nguyễn Đăng H đã nộp đủ tiền án phí.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Đăng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Dương Phương M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. G;
- THADS H. G;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND thị trấn Y,
- huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đàm